

BỘ SOẠN VĂN LỚP 8 HỌC KÌ I

TÔI ĐI HỌC

Câu 1: Những gì đã gọi lên trong lòng nhân vật “tôi” kỉ niệm về buổi tựu trường đầu tiên? Đọc toàn bộ truyện ngắn, em thấy những kỉ niệm này được nhà văn diễn tả theo trình tự như thế nào?

Trả lời:

Buổi tựu trường đầu tiên:

- Thời tiết mùa thu, lá ngoài đường rụng rất nhiều và trên bầu trời không có những đám mây bàng bạc

- Những em nhỏ trông có vẻ rụt rè, núp dưới nón của mẹ khi lần đầu tiên được mẹ đưa tới trường

Những kỉ niệm này được nhà văn diễn tả theo trình tự không gian và thời gian.

- Những kỉ niệm này được nhà văn diễn tả theo trình tự:

+ Thời gian: từ hiện tại tại nhà văn hồi tưởng lại quá khứ, nhà văn kể chuyện ngày đầu tiên đi học từ lúc chuẩn bị cho tới lúc đến trường.

+ Không gian: từ không gian ngoài đường đến không gian trong sân trường và không gian trong lớp học.

Câu 2: Tìm những hình ảnh, chi tiết chứng tỏ tâm trạng hồi hộp, cảm giác ngỡ ngàng của nhân vật “tôi” khi cùng mẹ đi trên đường tới trường, khi nghe gọi tên và phải rời bàn tay mẹ cùng các bạn đi vào lớp, khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên?

Trả lời:

* Cùng mẹ đi trên đường tới trường:

Con đường, cảnh vật trên đường vốn rất quen nhưng lần này tự nhiên thấy lạ, nhân vật “tôi” cảm thấy có sự thay đổi lớn trong lòng mình.

Nhân vật “tôi” cảm thấy trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài, cùng mấy quyển vở mới trên tay.

Cẩn thận, nâng niu mấy quyển vở, lúng túng muốn thử sức nên xin mẹ được cầm cả bút, thước như các bạn khác.

Bỗng thấy sân trường hôm nay dày đặc cả người, ai cũng ăn mặc sạch sẽ, gương mặt vui tươi và sáng sủa.

Ngôi trường xinh xắn, oai nghiêm khác thường. Nhân vật “tôi” cảm thấy mình bé nhỏ so với nó, đâm ra lo sợ vẩn vơ.

=> Báo hiệu sự thay đổi trong nhận thức bản thân, cảm thấy mình lớn lên, có ý thức trong việc học hành.

* Khi nghe gọi tên và rời bàn tay mẹ:

Cảm giác hồi hộp chờ nghe tên của mình: “Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng”.

Càng cảm thấy sợ khi sắp phải rời bàn tay dịu dàng của mẹ. Nhân vật bỗng òa khóc nức nở theo các bạn và cảm thấy bước vào thế giới khác, xa lạ.

=> Sự chuyển biến tâm lí của nhân vật.

* Khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên:

Thầy giáo trẻ tươi cười đón chúng tôi

Nhìn bàn ghế, chỗ ngồi tự nhiên lạ nhận là vật riêng của mình.

Mấy người bạn tí hon ngồi bên tôi... lòng tôi vẫn không cảm thấy xa lạ chút nào. Sự quen luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

Chăm chỉ nhìn thầy viết và lăm băm đánh vần đọc: “Bài viết tập: Tôi đi học”.

=> Những suy nghĩ, tình cảm cậu bé cho thấy cậu là người có tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu bạn bè, trường lớp, trân trọng việc học hành.

Câu 3: Em có cảm nhận gì về thái độ, cử chỉ của những người lớn (ông đốc, thầy giáo đón nhận học trò mới, các phụ huynh) đối với các em bé lần đầu đi học?

Trả lời:

Ông đốc là một người lãnh đạo nhà trường rất hiền từ, nhân ái với học sinh.

Thầy giáo trẻ niềm nở, tươi cười đón nhận học sinh lớp mới.

Các bậc phụ huynh đều chuẩn bị chu đáo cho con em mình trong buổi đầu tựu trường: quần áo, sách vở. Tất cả đều trân trọng dự lễ khai giảng cùng các em.

=> Người lớn đều dành một tình yêu thương, quan tâm đến con em mình trong ngày đầu tựu trường, giúp các em cảm thấy an tâm, vui vẻ.

Câu 4: Hãy tìm và phân tích các hình ảnh so sánh được nhà văn sử dụng trong truyện ngắn “Tôi đi học”?

Trả lời:

- “Tôi quên thế nào được... bầu trời quang đãng”

Ý nghĩa: Đây là hình ảnh so sánh thể hiện tình cảm trong sáng, đẹp đẽ của tác giả về ngày tựu trường.

- “Ý nghĩ ấy...trên ngọn núi”

Ý nghĩa: Thể hiện ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, không làm cậu bận tâm, hay lo lắng, đồng thời cũng cho ta thấy được tâm hồn thơ mộng của cậu.

- “Cũng như tôi...ngập ngừng e sợ”

Ý nghĩa: Thể hiện tâm trạng của những cậu học trò mới, háo hức muốn bước vào trường học - một thế giới mới nhưng còn lo lắng, rụt rè

- “Nói các cậu...tưởng tượng”

Ý nghĩa: Tiếng trống có tác động mãnh liệt đến các cậu học sinh mới, như thôi thúc, giục giã những tâm hồn non nớt muốn bước vào thế giới rộng lớn nhưng còn rụt rè, e sợ.

Câu 5: Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn này. Sức cuốn hút của tác phẩm, theo em, được tạo nên từ đâu?

Trả lời:

Đặc sắc nghệ thuật:

- Có sự kết hợp hài hòa giữa tự sự - trữ tình – miêu tả
- Bố cục chặt chẽ, tự nhiên theo dòng hồi tưởng, theo trình tự đan xen giữa hiện tại và quá khứ.
- Ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu và chất thơ.

Theo em, sức hút của tác phẩm được tạo nên từ:

- Tình huống truyện hấp dẫn
- Cảm xúc trong sáng, chân thật của nhân vật
- Hình ảnh đẹp đẽ, gần gũi.

TRONG LÒNG MẸ

Câu 1. Phân tích nhân vật bà cô trong cuộc đối thoại của bà ta và chú bé Hồng:

Trả lời:

* Lời nói:

- Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?
- Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm mà?

- Mày đại quá, cứ vào đi, tao cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa và thăm em bé nữa chứ.

=> Giọng điệu: ngọt ngào nhưng thực chất là đầy mỉa mai, chế giễu

* Hành động: gọi tôi lại, cười và hỏi, vỗ vai tôi cười mà nói rằng, tươi cười kể chuyện cho tôi nghe... Thể hiện sự giả tạo, gian dối.

=> Hình ảnh bà cô hiện lên là một người độc ác, nham hiểm chính là đại diện cho xã hội phong kiến với những định kiến về người phụ nữ trong xã hội.

Câu 2. Tình yêu thương mãnh liệt của chú bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh như thế nào?

Trả lời:

- Mặc dù đã ngót 1 năm chú bé Hồng không nhận được tin tức gì của mẹ, đặc biệt mặc dầu bị bà cô xúc xiểm chia rẽ tình mẹ con, nhưng “tình thương và lòng kính mẹ” của bé Hồng vẫn nguyên vẹn.

- Bé Hồng không hề trách mẹ nếu quả là mẹ “đã chữa đẽ với người khác”. Tuy non nớt, nhưng cậu bé hiểu được “vì tội góa chồng, vì túng bần quá mà mẹ mình phải bỏ các con đi tha phương cầu thực”.

- Chú bé Hồng khi nghe những lời giả dối, thâm độc của bà cô khi xúc phạm đến người mẹ bất hạnh của mình càng thương mẹ mình hơn. Chú cố kìm nén tình cảm nhưng “nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ”.

- Chú bé Hồng căm ghét cực độ những hủ tục đã dày dọa mẹ mình. Lòng căm ghét của bé Hồng được tác giả diễn đạt bằng những câu văn thể hiện sự uất ức: “Cô tôi nói chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã dọa mẹ tôi là một vật như hòn đá, cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”.

- Chỉ cần thoáng qua, bé đã phát hiện ra chính xác mẹ mình. Gặp mẹ, Hồng vui sướng cao độ. Niềm vui sướng ấy như thấm vào da thịt.

=> Qua đó có thể thấy, chú bé Hồng dù còn rất nhỏ nhưng là người con hiếu thảo, thấu hiểu cho hoàn cảnh gia đình và nỗi lòng của mẹ. Dù người khác có tác động, Hồng vẫn giữ một niềm tin và sự kính trọng với mẹ của mình.

Câu 3. Qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” hãy chứng minh văn Nguyễn Hồng giàu chất trữ tình.

Trả lời:

- Dòng tình huống và nội dung câu chuyện xoay quanh hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng, câu chuyện về một người mẹ phải âm thầm chịu đựng nhiều đắng cay, nhiều thành kiến tàn ác, bà cô nham hiểm, lòng tin yêu và sự cậy mà chú bé dành cho người mẹ của mình.
- Dòng cảm xúc phong phú của bé Hồng: nỗi niềm xót xa tủi nhục; lòng căm giận sâu sắc, quyết liệt; tình yêu thương nồng nàn, thấm thiết.
- Các thể hiện của tác giả: kể + tả + bộc lộ cảm xúc rất nhuần nhuyễn, các hình ảnh thể hiện tâm trạng, so sánh gây ấn tượng, giàu sức gợi cảm; lời văn nhiều khi say mê khác thường như được viết trong dòng cảm xúc mơn man dạt dào.

a. Về phương diện nội dung :

- Tình huống, hoàn cảnh đáng thương của hai mẹ con bé Hồng.
- Dòng cảm xúc tinh tế phong phú của bé Hồng trong cuộc đối thoại với bà cô và khi gặp mẹ trên đường đi học về.

b. Cách kể của tác giả :

- Kết hợp giữa kể và bộc lộ cảm xúc trong quá khứ.
- Xây dựng nhiều hình ảnh so sánh độc đáo đầy ấn tượng.
- Giọng văn thiết tha, say mê.

Câu 4. Qua đoạn trích, em hiểu thế nào là hồi ký?

Trả lời:

Hồi ký: là thể thuộc loại kí, nhằm ghi những sự việc thuộc quá khứ, qua sự nhớ lại. Hồi kí đòi hỏi phải hết sức tôn trọng tính chân thực của câu chuyện; sự việc, số liệu, thời gian phải chính xác. Lời văn của hồi kí phải chính xác, trung thực, giàu suy nghĩ và cảm tưởng cá nhân. Thông qua hồi kí, tác giả muốn tâm sự, chia sẻ những tâm tư, tình cảm chân thành của chính nhân vật trong tác phẩm.

Câu 5. Có nhà nghiên cứu nhận định nhà văn Nguyễn Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng. Nên hiểu như thế nào về nhận định đó? Qua đoạn trích Trong lòng mẹ, em hãy chứng minh nhận định trên.

Trả lời:

* Nguyễn Hồng là nhà văn của người phụ nữ và nhi đồng:

- Ông thể hiện cái nhìn đầy thông cảm, thấu hiểu cùng những đau khổ, cùng cực mà người phụ nữ phải chịu đựng giữa các hủ tục khắt khe, người con trẻ với nỗi đau tinh thần phủ khắp tuổi thơ càng khát vọng tình thương mãnh liệt.
- Nhà văn có am hiểu sâu sắc về phụ nữ, trẻ em vì cuộc sống gắn bó với mẹ.

* Trong đoạn trích “Trong lòng mẹ”: Hình ảnh xuất hiện trong tác phẩm: phụ nữ (bà cô và người mẹ); hình ảnh nhi đồng (cậu bé Hồng).

- Bà cô hiện lên là một người độc ác cay nghiệt đại diện cho những hủ tục của xã hội xưa.
- Người mẹ hiện lên là một người phụ nữ tàn bạo, vất vả và giàu đức hy sinh.
- Hồng là cậu bé sớm phải chịu đựng những mất mát gia đình, sống trong cảnh thiếu thốn tình cảm.

TỨC NƯỚC VỠ BỜ

Câu 1: Khi bọn tay sai xông vào nhà chị Dậu, tình thế của chị Dậu như thế nào?

Trả lời

Nhà anh Dậu nghèo vào loại nhất nhì của hạng cùng đinh, phải bán con, bán chó mới đủ đóng một suất sưu của anh Dậu. Còn suất sưu của người em chồng đã chết chưa đóng được.

Bọn tay sai xông vào nhà chị Dậu trong tình cảnh:

- + Anh Dậu vừa tỉnh lại sau cơn thập tử nhất sinh (ngày hôm trước mặc dù anh đang bị ốm nặng vẫn bị tên người nhà lí trưởng đánh đập trối anh giải ra đình, đến khi anh rũ rượi như cái xác chết người ta mới đưa anh Dậu về trả cho gia đình) người đang rất yếu nhịn đói từ hôm qua đến giờ.
 - + Chị Dậu được một bà lão hàng xóm tốt bụng cho bát gạo nấu cháo. Cháo chín chị ngồi quạt cho chóng nguội để cho anh Dậu ăn một bát cho đỡ xót ruột.
 - + Anh Dậu đang run rẩy cầm bát cháo mới kê miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng sầm sập kéo đến. Kẽ roi song tay thước, kẻ dây thừng. Mạng sống của anh Dậu hết sức mong manh.
- => Tình cảnh gia đình chị Dậu trước khi bọn tay sai xông vào hết sức bi đát, thảm thương, khiến bất cứ ai cũng thấy xót xa.

Câu 2: Phân tích nhân vật cai lệ. Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này và về sự miêu tả của tác giả?

Trả lời

a. Tính cách nhân vật

- Tên cai lệ là tên đứng đầu bọn lính ở huyện đường chuyên đi đòi sưu thuế, đây là một tên độc ác chỉ làm những điều sai trái. Hắn là tiêu biểu nhất của hạng tay sai, công cụ đắc lực của cái trật tự xã hội ấy.
- Thái độ hành động:

Tay cầm roi song, tay cầm thước
Gõ đầu roi xuống đất
Thét bằng giọng khàn khàn
Trợn ngược hai mắt quát chị Dậu
Tát và mặt chị Dậu

- Xưng hô:

Gọi anh Dậu là thằng, xưng ông

Gọi chị Dậu là mày, xưng ông,cha

- Khi đến nhà chị Dậu hắn đã đập roi xuống bàn quát: Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!”. Anh Dậu vừa chết đi sống lại, hắn đâu thèm có để ý.. Chính tay hắn hôm trước đã trói gô anh rất chặt, rồi điệu ra đình cùm kẹp giữa lúc anh đang ốm nặng. Vậy mà, giờ đây, trước những lời van xin của chị Dậu mong hắn tha cho anh, hắn đáp lại bằng thái độ hết sức phũ phàng. Hành động không giống người đó đã khắc sâu vào trong lòng người đọc một chế độ độc ác mất hết nhân tính, anh Dậu mới ốm dậy nhưng bọn chúng cũng không tha.

- Cai lệ là kẻ lòng lang dạ sói, vừa độc ác vừa hống hách, cậy quyền để ức hiếp những người dân lành yếu đuối.

b. Cách miêu tả của tác giả

- Cách miêu tả của tác giả rất chân thực, sinh động bằng những nét sắc sảo linh hoạt vì vậy mà chân dung của nhân vật trở nên chân thực, sinh động.

- Qua đó, thể hiện thái độ căm ghét, khinh bỉ của tác giả đối với giai cấp thống trị và những kẻ đại diện cho giai cấp thống trị.

Câu 3: Phân tích diễn biến tâm lí của chị Dậu trong đoạn trích. Theo em, sự thay đổi thái độ của chị Dậu có được miêu tả chân thực, hợp lí không? Qua đoạn trích này, em có nhận xét gì về tính cách của chị?

Trả lời

- Chị Dậu nhẫn nhịn, chịu đựng:

+ Ban đầu “van xin tha thiết”, lễ phép xưng “cháu” gọi “ông”

+ Khi đến khi cai lệ “bịch luôn vào ngực chị... mấy bịch rồi sấn đến trói anh Dậu” không chịu được nữa, chị mới liều mạng cự lại.

+ Chị dùng lí lẽ phân trần, nói lí lẽ tự nhiên “chồng tôi đau ốm...hành hạ” => xưng hô “tôi”

– “ông” ngang hàng, cứng rắn, cảnh cáo kẻ ác.

+ Sau khi cai lệ “tát vào mặt chị một cái đánh bốp chị “nghiến răng”: “mày trói chồng bà đi”

=> chuyển xưng hô từ tôi- ông sang mày- bà.

+ Đẩy tên cai lệ ngã chổng quèo, túm tóc lẳng tên người nhà lí trưởng ngã nhào ra thêm.

=> Sự phản kháng, trỗi dậy của chị Dậu do uất ức, phẫn nộ, căm tức. Hành động của chị tự phát nhưng bản lĩnh, cương quyết, phù hợp với diễn biến tâm lí.

* Nhận xét về tính cách của chị Dậu:

+ Chị Dậu là người phụ nữ giàu tình thương chồng, rất mực dịu dàng: Chăm sóc chồng ân cần, chu đáo, cứu anh khỏi tay thần chết “nấu cháo quật nhanh cho chúng nguội, bung cháo đến tận chỗ chồng nằm động viên anh “thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”.

+ Chị Dậu là người phụ nữ can đảm, mạnh mẽ, giàu sức phản kháng: chị dám chống lại cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ cho tính mạng của chồng mình mà không phải người phụ nữ nào cũng dám làm như thế. Với một điều rất đơn giản: “Thà ngồi tù, để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được”. Đó chính là sự thể hiện chân lí: Có áp bức, sẽ có đấu tranh.

Câu 4: Em hiểu thế nào về nhan đề Tức nước vỡ bờ được đặt cho đoạn trích? Theo em, đặt tên như vậy có thỏa đáng không? Vì sao?

Trả lời

- Nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích này rất thỏa đáng. Trước hết, đây là một thành ngữ dân gian; với đặc điểm súc tích, giàu ý nghĩa của những cụm từ cấu trúc kiểu này, nhan đề “Tức nước vỡ bờ” vừa thống nhất, vừa bổ sung, làm nổi bật ý nghĩa của đoạn trích.

- Thành ngữ “Tức nước vỡ bờ” là một kinh nghiệm mà ông cha ta đã đúc kết, nêu lên một chân lí khách quan: Một sự vật khi bị dồn nén đến một mức độ nhất định tất yếu sẽ phá vỡ khuôn khổ ấy.

- Có thể nói hành động của chị Dậu được thể hiện trong đoạn trích chính là điểm gặp gỡ giữa Ngô Tất Tô và tư tưởng người xưa khi cùng thể hiện logic cuộc sống: có áp bức tất có đấu tranh.

- Hành động đấu tranh của chị Dậu đã biểu hiện rõ được cái nhan đề. Khi con người bị áp bức bóc lột tới một giới hạn nhất định con người sẽ vùng lên đấu tranh để đòi lại công lý, “con giun xéo lắm cũng quằn”. Hành động của chị Dậu đã làm tăng lên ý nghĩa của hành động biết đấu tranh chống lại cái ác và cái xấu.

- Mặc dù tự phát, song hành động của chị cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ ý thức nhân phẩm, từ tình yêu thương. Đây là đoạn văn sáng khoái nhất trong hơn một trăm trang “Tắt đèn”.

Câu 5: Hãy chứng minh nhận xét của nhà phê bình, nghiên cứu văn học Vũ Ngọc Phan: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”.

Trả lời

Nhận xét: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ một đoạn tuyệt khéo”

- “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo vì sự phát triển rất phù hợp với logic và tính cách nhân vật.

- Tình huống truyện: tình huống căng thẳng, thể hiện tập trung cao độ mối xung đột gay gắt ở nông thôn trước cách mạng. Diễn biến mạch truyện dẫn đến tình huống bùng nổ dữ dội đó được tác giả diễn tả hợp lí, tự nhiên.

- Tình thế đặt chị Dậu trước sự lựa chọn: hoặc là để yên cho chúng giày xéo, hoặc đứng lên chống lại chúng. Một cách tự phát của diễn biến, chị đã vùng dậy một cách quyết liệt.

- Lúc đầu, làm sự nhịn nhục của kẻ dưới, chị “cố thiết tha” van xin. Van xin là cách duy nhất để “mong hai tên tay sai tha cho anh Dậu”.

- Trước sự đều giả và tàn bạo của cai lệ, chị liều mạng cự lại “tức quá không thể chịu được”. Không còn van xin (mà có van xin thì cũng vô ích), chị đấu lí: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. Cách xưng hô cho thấy chị không còn “nằm yên” trong tư cách kẻ dưới mà ngang hàng.

Mày trời chồng bà đi, bà cho mày xem. Chị Dậu đã chuyển sang một tư thế khác: bà – mày. Đó là tư thế của kẻ bề trên. Sự căm giận, khinh bỉ kẻ thù đã lên tới tột độ. Trong màn đấu lực, chị đã thắng.

- Ngôn ngữ đặc sắc: lời ăn tiếng nói hàng ngày được sử dụng một cách chân thật, tự nhiên, mang tính khẩu ngữ.

- Đoạn miêu tả cảnh phản kháng giữa chị Dậu với bọn tay sai qua ngòi bút linh hoạt, pha chút hóm hỉnh, độc đáo.

=> Đoạn “tuyệt khéo” trong văn bản này thể hiện việc tác giả xây dựng các tuyến nhân vật đối lập, đặc biệt làm hiện hữu hình ảnh người phụ nữ nông dân mạnh mẽ, bản lĩnh, dám đương đầu với bè lũ hung tàn đòi quyền sống trong xã hội bất công, áp bức.

Câu 6: Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng, với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã “xui người nông dân nổi loạn”. Em hiểu thế nào về nhận xét đó? Qua đoạn trích hãy làm sáng tỏ ý kiến của Nguyễn Tuân.

- Ý kiến của nhà văn Nguyễn Tuân hoàn toàn đúng vì qua đoạn trích cho chúng ta thấy sự bất công vô lí của nạn sưu thuế trong xã hội phong kiến: Người đã chết rồi vẫn phải nộp thuế thân.

- Sự tàn nhẫn của con người lên tới đỉnh điểm: dù gia đình chị Dậu đã đau lòng, dứt ruột bán cả con, cả chó để đủ một suất sưu thì bọn cường quyền vẫn không buông tha. Khi không đủ tiền nộp suất sưu của người em chú, chúng đã trói và đánh anh Dậu cho thập tử nhất sinh.
- Nguyễn Tuân muốn khẳng định quy luật có áp bức, có đấu tranh; áp bức càng mạnh thì đấu tranh càng dữ dội. Họ vùng lên để đòi lại công bằng cho cuộc sống của mình. Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là dẫn chứng tiêu biểu chứng minh cho ý kiến trên.

LÃO HẠC

Câu 1: Diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc bán cậu Vàng. Qua đó em thấy lão Hạc là người như thế nào?

Trả lời

Diễn biến tâm trạng của Lão Hạc xung quanh việc bán chó.

* Mọi quan hệ giữa Lão Hạc và con chó Vàng:

Lão chỉ có một thân một mình. Con lão đi xa để lại kỉ niệm buồn, con chó mua về nuôi; định lúc cưới vợ thì giết thịt. Thế nhưng vợ lấy không được vì con lão nghèo. Đứa con phần uất bỏ đi phu, lão đau đớn: “Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là của người ta”. Tim lão vỡ vụn vì đau đớn nhớ thương.

Cậu Vàng thế chỗ đứa con cùng lão chia sẻ niềm đau và những nỗi buồn, lão bắt rận, tắm, cho cậu ăn trong cái bát như nhà giàu, chửi yêu, nói chuyện, vuốt ve. Cậu Vàng vừa là kỉ niệm, là tín vật của người con, là người bạn trung thành trong cuộc sống quạnh hiu của lão.

* Nguyên nhân phải bán cậu Vàng.

Đứa con bỏ đi phu đối với lão như một sự tội lỗi “Làm cha không lo tròn được cho con”. Bóng đứa con nặng trĩu trong hơi thở của lão. Ba sào vườn lão quyết giữ cho bằng được, không thể bán vườn mà ăn để dành cho con trai lão trở về xây dựng hạnh phúc.

Trận ốm kéo dài hai tháng mười tám ngày, bao nhiêu tiền dành dụm tiêu hết sạch. Con bão kéo đến phá sạch sành sanh hoa màu. Sau trận ốm lão yếu người không làm được việc nặng, bao nhiêu việc nhẹ đàn bà họ tranh nhau làm mất cả, lão Hạc rơi vào túng quẫn kiệt quệ.

Cậu Vàng mỗi ngày phải ăn hết hai hào gạo, cậu mà ăn ít lại gầy đi tội nghiệp. Tiền không đủ nuôi người lấy đâu nuôi chó. Lão nghĩ đến cái chết, để giữ được mảnh vườn cho con. Lão chết cậu Vàng cũng tiêu đời, đành phải để cậu Vàng đi trước.

* Diễn biến tâm trạng sau khi bán chó: Sáng hôm sau, lão Hạc sang nhà ông giáo kể lại toàn bộ sự việc.

Cố làm ra vẻ vui mừng: “Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ”, nhưng thực ra lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậ nước.

“Mặt lão đột nhiên co rúm lại, những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra”

Lão hu hu khóc...

Tự trách bản thân mình đã già rồi còn đi lừa một con chó: “Khốn nạn... Ông giáo ơi!... như thế này à?”

Chua chát bảo với ông giáo: “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta phải hóa kiếp cho nó...”

Lão cười và ho sòng sọc, Lão nói xong lại cười đưa đà... Nụ cười dường như để nén đi nỗi đau đơn khi mất đi “người bạn” duy nhất.

=> Nam Cao đã khắc họa chân thực nỗi đau khổ, day dứt của Lão Hạc sau khi bán cậu Vàng.

Câu 2: Em hiểu thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc. Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, em suy nghĩ gì về tình cảnh và tính cách lão Hạc.

Trả lời

- Nguyên nhân cái chết: túng quẫn, tuyệt vọng sau trận ốm, bán cậu Vàng cũng là mất đi người bạn thân thiết, cảm giác tội lỗi vì trót lừa một con chó, không đợi được con trai về. Lão chết vì lòng tự trọng, vì tình thương, vì quá đổi lương thiện.

- Lão Hạc trước khi tìm đến cái chết đã nhờ ông giáo giữ vườn đợi con trai lão về, giữ tiền để lo tiền ma chay cho lão.

=> Tình cảnh lão Hạc éo le, đáng thương nhưng không muốn liên lụy tới mọi người xung quanh. Một con người có lòng tự trọng rất cao, hiền hậu, khiêm cung trong cử chỉ, tinh tế, hiểu đời, hiểu người nhưng bất lực. Là người cha thương con vô bờ, là ông lão giàu tình cảm, lương thiện.

Câu 3: Em thấy thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc như thế nào?

Trả lời

Thái độ và tình cảm của nhân vật “tôi” là một sự phát triển, càng ngày càng trân trọng cảm thông sâu sắc, theo sự việc xảy ra:

+ Ban đầu: Nghe chuyện của lão với thái độ thờ ơ, dửng dưng so sánh với việc lão quý con chó, không thể nào bằng mình quý những quyển sách được. Đó cũng là sự hiển nhiên.

+ Sau đó: Khi nghe câu chuyện của lão, ông giáo đã thốt lên: “Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó Vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây”.

- + Khi thấy lão Hạc khóc: “Tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước”. Nhân vật “tôi” đã động viên an ủi chia sẻ với lão những buồn đau, ngấm ngấm giúp đỡ lão những ngày túng thiếu.
 - + Khi chứng kiến cái chết dữ dội của lão Hạc: Nhân vật “tôi” đã vô cùng cảm động, hứa trước vong linh lão làm tròn những điều mà lão gửi gắm để lão yên tâm nhắm mắt ra đi.
- => Ông giáo là người giàu lòng trắc ẩn, yêu thương.

Câu 4: Khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin bả chó để định bắt một con chó hàng xóm thì “ông giáo” cảm thấy “cuộc đời quả thật đáng buồn”. Nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc “ông giáo” đã nghĩ: “Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác”. Em hiểu ý nghĩ đó của nhân vật tôi như thế nào?

Trả lời

- Khi nghe Binh Tư nói, nhân vật “tôi” bất ngờ, hoài nghi, cảm thấy thất vọng
 - + Nhân vật “tôi” nhanh chóng cảm thấy chán ngán: người trung thực, nhân nghĩa như lão Hạc lại “nổi gót” Binh Tư.
 - + Buồn vì cái đói nghèo có thể làm tha hóa nhân cách con người (cái đói nghèo có thể biến lão Hạc trở nên tha hóa như Binh Tư)
- Sau đó chứng kiến cái chết dữ dội của lão Hạc, ông giáo lại thấy buồn ở khía cạnh khác.
 - + Hóa giải được hoài nghi trong lòng nhưng lại thấy buồn
 - + Xót xa vì người sống tử tế và nhân hậu, trung thực như lão Hạc phải chọn cái chết đau đớn, dữ dội.

Câu 5: Theo em, cái hay của truyện thể hiện rõ nhất ở những điểm nào? Việc tạo dựng tình huống truyện bất ngờ có tác dụng như thế nào? Cách xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?

Trả lời

- + Tình huống truyện: Bất ngờ, ngoài sự dự đoán của độc giả. Tình huống đó như “một thứ nước rửa ảnh làm nổi hình nổi sắc nhân vật”. Làm sáng ngời nhân cách của lão Hạc trong lòng người đọc (không ai nghĩ rằng lão Hạc lại tự hủy diệt cuộc đời mình bằng bả chó).
- + Cách xây dựng nhân vật: Chân thực sinh động, từ ngoại hình đến nội tâm, đặc biệt là miêu tả khuôn mặt của lão Hạc khi khóc.
- + Tác dụng của ngôi kể: Chuyện được kể theo ngôi thứ nhất, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi chân thực, làm cho người đọc có cảm tưởng câu chuyện như đang diễn ra trước mắt.

CÔ BÉ BÁN DIÊM

Câu 1. Hãy xác định ba phần (chỗ bắt đầu, chỗ kết thúc từng phần) của bài này nếu lấy việc em bé quẹt từng que diêm làm phân trọng tâm. Căn cứ vào đâu để có thể chia phần thứ hai (phần trọng tâm) thành những đoạn nhỏ hơn?

Trả lời:

* Văn bản có thể chia làm ba phần:

Phần thứ nhất (Từ đầu đến cứng đờ ra): Hoàn cảnh tội nghiệp của em bé bán diêm trong đêm giao thừa, em ngồi bán diêm trong đêm giá rét.

Phần thứ hai (tiếp đến về châu thượng đế): Em bé và những cây diêm mơ ước.

Phần thứ ba (còn lại): Cái chết đáng thương của cô bé.

* Phần thứ hai là phần quan trọng nhất, dựa vào một chi tiết cô bé quẹt những que diêm để sưởi ta có thể chia phần này ra bốn đoạn nhỏ:

Cảnh hiện lên trong que diêm thứ nhất: cô bé thấy vui như ngồi trước lò sưởi.

Cảnh hiện lên trong que diêm thứ hai: thấy vui như ngồi trước bữa ăn ngon.

Cảnh hiện lên trong que diêm thứ ba: thích thú như trước cây thông Nô-en rực rỡ.

Cảnh hiện lên trong que diêm thứ tư: cô bé sung sướng thấy bà đang mỉm cười với em.

Cảnh hiện lên trong que diêm thứ năm: hai bà cháu dắt tay nhau bay lên trời, thoát mọi đói rét và đau buồn.

Câu 2. Trong phần đầu, nhà văn đã tạo dựng hoàn cảnh (gia đình, cuộc sống) và bối cảnh (thời gian, không gian) của em bé bán diêm như thế nào? Những hình ảnh tương phản (đối lập, đặt gần nhau, làm nổi bật lẫn nhau) ở đây được thể hiện ra sao và nhằm mục đích nghệ thuật cụ thể gì?

Trả lời:

* Hoàn cảnh:

- Mẹ mất, bà nội - người yêu thương nhất cũng vừa mới qua đời.

- Phải sống với người bố và bị bắt đi bán diêm để kiếm tiền.

* Bối cảnh:

- Thời điểm bán diêm: Đêm giao thừa rét mướt.

- Không gian bán diêm: Cửa sổ của các nhà đều sáng rực, trong phố sức nức mùi ngỗng quay.

* Những hình ảnh đối lập tương phản được thể hiện:

- “Ngoài đường phố lạnh buốt và tối đen” - “cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn”.
 - Trong phố sức nức mùi ngỗng quay” - “cô bé cả ngày chưa ăn gì, bụng đói”.
- => Các hình ảnh đối lập hiện lên cho thấy được cuộc sống nghèo khổ, đáng thương của cô bé bán diêm.

Câu 3. Các mộng tưởng của em bé qua các lần quẹt diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel, người bà, hai bà cháu bay đi) diễn ra lần lượt có hợp lý không? Vì sao? Trong các mộng tưởng ấy, điều nào gắn với thực tế, điều nào thuần túy chỉ là tưởng tượng?

Trả lời:

- Các mộng tưởng diễn ra phù hợp với hoàn cảnh, nhu cầu của cô bé bán diêm.
 - Mộng tưởng của cô bé bán diêm hiện ra hợp lý với thực tế:
 - + Muốn được sưởi ấm và ăn no: lò sưởi, ngỗng quay
 - + Khao khát được sum họp gia đình bên cây thông Noel
 - + Muốn được vui vẻ bên người bà hiền hậu
 - + Cảnh hai bà cháu bay lên trời: thoát khỏi những đau buồn
 - Mộng tưởng gắn với thực tế: lò sưởi, ngỗng quay, cây thông
 - Mộng tưởng thuần túy là mộng tưởng: gặp lại người bà
- => Những mộng tưởng của cô bé bán diêm cũng là mộng tưởng chung của bất kì đứa trẻ nào cùng cảnh ngộ: muốn ấm no, hạnh phúc bên gia đình.

Câu 4. Phát biểu những cảm nghĩ của mình về truyện “Cô bé bán diêm” (trích), nói chung và về đoạn kết của truyện nói riêng.

- Cô bé bán diêm có hoàn cảnh đáng thương và tội nghiệp: gia cảnh khó khăn, sống thiếu tình yêu thương của mẹ và bà, phải sống cùng bố thường xuyên mắng nhiếc, chửi rủa.
- Cô bé có ước mơ giản dị, hồn nhiên: muốn được ăn no, mặc ấm, được yêu thương, vui chơi và quây quần bên gia đình.
- Trong đoạn kết truyện, em bé đã chết trong cái đói và rét bên lề đường. Cái chết của em bé vừa có sự bi thương, tội nghiệp nhưng đồng thời cũng mang màu sắc cổ tích, phản ánh ước mơ, khát khao hạnh phúc của con người.

ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

Câu 1: Xác định ba phần của đoạn truyện này theo trật tự diễn biến trước, trong và sau khi Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió. Liệt kê năm sự việc chủ yếu, qua đó tính cách của lão hiệp sĩ và bác giám mã được bộc lộ.

Trả lời:

- Đoạn trích có thể chia làm ba phần:

- + Phần một (từ đầu đến không cân sức): Thầy trò nhà hiệp sĩ tranh cãi nhận định về kẻ thù.
- + Phần hai (tiếp đến bị toạc nửa vai): Trận chiến không cân sức.
- + Phần ba (còn lại): Tiếp tục cuộc phiêu lưu.

- Liệt kê năm sự việc chủ yếu, qua đó tính cách của lão hiệp sĩ và bác giám mã được bộc lộ :

- + Hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê phát hiện ra những chiếc cối xay gió và cho đó là những tên khổng lồ gian ác nên thúc ngựa xông lên và cắm đầu lao vào cuộc chiến không cân sức.
- + Đôn-ki-hô- tê cầu mong nàng Duyn-xi-nê-a cứu giúp rồi xông vào đánh cối xay gió.
- + Đôn-ki-hô-tê bị thương nặng vì bị cối xay gió đập cánh quạt vào người và ngựa. Xan-chô đến cứu giúp, và hai thầy trò tranh luận nhau về "cối xay gió".
- + Xan-chô Pan-xa bỏ rượu thịt ra đánh chén no nê và cảm thấy nghề đi tìm kiếm phiêu lưu cũng chẳng vất vả gì.
- + Đôn Ki-hô-tê không ăn, suốt đêm không ngủ, chỉ nghĩ đến nàng Duyn- xi-nê-a của mình.

Câu 2: Qua năm sự việc ấy, phân tích những nét hay và dở trong tính cách của nhân vật Đôn Ki-hô-tê.

Trả lời:

- Đôn Ki-hô-tê có hoài bão, ước mơ tốt : diệt ác, cứu nguy nhưng phi thực tế. Lão vốn là dòng dõi quý tộc, do đọc nhiều sách kiếm hiệp mà mê muội bắt chước các nhân vật trong truyện làm một hiệp sĩ lang thang để tiêu trừ quân gian ác và giúp đỡ người lương thiện. Khi nhìn thấy những chiếc cối xay gió, lão hiệp sĩ tưởng đó là những tên khổng lồ gian ác và nghĩ đó là phép thuật của pháp sư Phơ-re-xtôn. Lão muốn ra tay tiêu trừ sự xấu xa. Khát vọng ấy của Đôn Ki-hô-tê là tốt đẹp nhưng chỉ tiếc là do đầu óc hoang tưởng làm cho sai lệch đi và trở thành hão huyền.

- Hành động dũng cảm, quên mình diệt cái ác là rất đáng khâm phục ở lão hiệp sĩ, nhưng hành động ấy trở nên nực cười vì chỉ là đánh nhau với cối xay gió. Lão bị trọng thương mà không hề rên rĩ cũng rất đáng học tập, nhưng đáng tiếc đó chỉ vì lão muốn làm theo các hiệp sĩ trong sách.

- Thích sống trong hoài niệm cùng những lí tưởng viễn vông. Lão không quan tâm đến nhu cầu cá nhân của mình như ăn và ngủ bởi lão cho đó là chuyện tầm thường của hiệp sĩ nhưng lại rất buồn cười khi lão không ngủ, nhịn đói nhịn khát và chí nghi tới “tình nương”.

==> Đôn Ki-hô-tê có nhiều tính cách tốt đẹp như khát vọng muốn làm hiệp sĩ diệt trừ cái ác, bảo vệ người lương thiện, hành động dũng cảm, quên mình vì mục đích cao cả, nhưng cái đáng trách ở lão là kẻ mê muội, hão huyền, phi thực tế, đáng trách mà cũng đáng thương.

Câu 3: Vắn qua các sự việc ấy, chứng minh nhân vật Xan-chô Pan-xa cũng bộc lộ cả những mặt tốt lẫn mặt xấu.

Trả lời:

Nhân vật Xan-chô Pan-xa cũng bộc lộ cả những mặt tốt lẫn mặt xấu:

- Sống vui vẻ, tự nhiên, thoải mái: Xan-chô Pan-xa là một bác nông dân béo lùn cười trên lưng con lừa thấp tè. Bác làm giám mã cho Đôn Ki-hô-tê với kì vọng là khi chủ thành đạt sự nghiệp lớn, bác sẽ được làm thống đốc cai quản một vài hòn đảo. Đùng đỉnh cười lừa đi sau chú, gã giám mã này chẳng lúc nào quên bầu rượu và cái túi hai ngăn đựng đầy đủ các thức ăn ngon.

- Đầu óc sáng, thiết thực: Bác luôn tỉnh táo. Khi thấy chủ muốn tiến công những chiếc cối xay gió, bác vội can ngăn. Nhưng khi chủ xông tới giao tranh với cối xay gió, bác đã hèn nhát lần tránh, đợi tới lúc chủ bị trọng thương, bác mới vội thúc lừa đến cứu.

- Nhát gan, ích kỉ: Bác sợ hãi, nhút nhát, nếu không muốn nói là hèn nhát. Hơi đau một chút thì rên rĩ ngay.

- Thiện cận, vụ lợi: Bác quan tâm đến nhu cầu vật chất hàng ngày như ăn, ngủ, nhưng vì quá chú trọng chăm lo cho cá nhân mình nên trở thành tầm thường.

==> Có thể nói, Xan-chô Pan-xa khác xa với tính cách của người chủ. Bác sống thực tế, thiết thực hơn nhưng cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách như nhát gan, ích kỉ và vụ lợi.

Câu 4: Đối chiếu Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa về các mặt: dáng vẻ bên ngoài, nguồn gốc xuất thân, suy nghĩ, hành động... để thấy rõ nhà văn đã xây dựng một cặp nhân vật tương phản.

Trả lời:

Hai tính cách trên tương phản nhau nhưng lại không mâu thuẫn; trái lại, bổ sung cho nhau. Thực tế tác phẩm cho thấy trong các cuộc phiêu lưu mạo hiểm hiệp sĩ Đôn-ki-hô- tê luôn luôn có giám mã Xan-chô Pan-xa đi theo phục vụ. Và hai người sống với nhau rất hòa thuận, gắn bó. Tách riêng ra, mỗi tính cách đều phiếm diện (lệch lạc), cực đoan (thái quá) không thể tồn tại mà không gặp khó khăn và thất bại – nhất là những lúc đứng trước thử thách lớn. Đi đôi với nhau, nương tựa vào nhau, chúng hạn chế được những mặt yếu, phát huy được những mặt mạnh, trở thành một khối thống nhất vững chắc trong mọi suy nghĩ, sinh hoạt và hành động.

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

Câu 1: Những chi tiết nào trong văn bản nói lên tấm lòng yêu thương và hành động cao cả của cụ Bơ-men đối với Giôn-xi? Tại sao nhà văn bỏ qua không kể lại việc cụ đã vẽ chiếc lá trên tường trong đêm mưa tuyết? Vì sao có thể nói “Chiếc lá cuối cùng” là một kiệt tác?

Trả lời:

- Những chi tiết trong văn bản nói lên tấm lòng yêu thương và hành động cao cả của cụ Bơ-men đối với Giôn-xi :

Khi nghe Xiu kể về ý nghĩ kì quặc của Giôn-xi (đếm những chiếc lá trên cây thường xuân chờ khi chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô ấy cũng buông xuôi lìa đời), cụ Bơ-men đã “mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy ròng ròng, hét lên sự khinh bỉ, nhạo báng của mình đối với những truyện tưởng tượng ngốc nghếch ấy”.

Cụ đã cùng Xiu lên thăm Giôn-xi. “Họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát chẳng nói năng gì”

Cụ Bơ-men đã âm thầm vẽ chiếc lá trong đêm lạnh buốt và mưa gió, cụ đã vẽ chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường thay thế cho chiếc lá thường xuân cuối cùng đã rụng. Vẽ xong chiếc lá đó cụ bị sưng phổi, hai ngày sau thì chết.

==> Đó là một hành động cao đẹp, cứu vớt một tâm hồn trẻ đang tuyệt vọng và tin vào số mệnh tự nhiên. Cụ Bơ-men, cụ đã lặng lẽ hi sinh sự sống của mình để cứu Giôn-xi.

- Lí do nhà văn không kể lại sự việc cụ Bơ-Men đã vẽ chiếc lá trên tường:

Đề tạo cho câu chuyện sự bất ngờ đột ngột, gây hứng thú cho người đọc. Đồng thời khiến tác giả cảm thấy xúc động về đức hi sinh thầm lặng của cụ đã khích lệ Giôn-xi hướng về sự sống ở phía trước.

- “Chiếc lá cuối cùng” cụ vẽ là một kiệt tác vì: Đó không chỉ là một bức tranh nghệ thuật của người nghệ sĩ tài ba. Mà đó còn là bức tranh được vẽ bởi tấm lòng yêu thương con người. Tác phẩm đó được tạo ra bằng sự hi sinh mạng sống của cụ để cứu lấy một tâm hồn đang tuyệt vọng. Tác phẩm đã tác động mãnh liệt vào tâm hồn con người, đánh thức niềm tin, sự hi vọng của con người vào cuộc đời.

Câu 2: Tìm bằng chứng để khẳng định Xiu không hề biết cụ Bơ-men cho biết ý định vẽ chiếc lá thay cho chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Nếu Xiu được biết thì truyện có bớt sức hấp dẫn không? Vì sao?

Trả lời:

Xiu cũng là một họa sĩ, chị em kết nghĩa với Giôn-xi. Xiu một con người giàu lòng thương yêu, cô đã chăm sóc Giôn-xi rất chân thành, chu đáo từ việc mời bác sĩ đến chăm sóc để bồi dưỡng sức lực và động viên tinh thần cho Giôn-xi. Xiu không hề được biết cụ Bơ-men có ý định vẽ chiếc lá, điều đó được thể hiện qua chi tiết sau:

- Xiu và cụ Bơ-men họ cùng sợ sệt ngó ra cửa sổ nhìn cây thường xuân. Rõ ràng Xiu đang vô cùng lo lắng vì sợ chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng Giôn-xi sẽ kiệt sức và ra đi.
- Khi Giôn-xi bảo cô kéo màn lên, cô đã “làm theo một cách chán nản”. Sau đó, cô cúi xuống người bệnh nói những lời náo nức: “Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?”.
- Chính Xiu cũng ngạc nhiên cùng với Giôn-xi khi chiếc lá cuối cùng dai dẳng bám trên cành như thế sau “trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng”.
- Chỉ khi bác sĩ nói, Xiu mới biết cụ Bơ-men bị ốm.

Như vậy, Xiu không hề biết gì về kiệt tác mà cụ Bơ-men đã vẽ, có lẽ đến khi cái chết xảy ra với cụ, Xiu mới dự đoán được sự việc xảy ra. Sự bất ngờ của Xiu cũng làm tăng sự hấp dẫn của câu chuyện. Nếu Xiu được biết thì câu chuyện sẽ bớt sức hấp dẫn của nó bởi vì nó sẽ làm mất đi sự bất ngờ của câu chuyện.

Câu 3: Nguyên nhân sâu xa nào quyết định tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi? Tại sao nhà văn kết thúc truyện bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi phản ứng gì thêm?

Trả lời:

- Nguyên nhân khiến tâm trạng của Giôn-xi hồi sinh là sự hiện diện của chiếc lá. Cô đã tin rằng chiếc lá mỏng manh kia vẫn chống chọi được trước bão tố, dũng cảm kiên cường bám lấy

cuồng lá trong mưa giông. Điều đó đã hâm nóng trái tim yếu đuối giá lạnh của cô, niềm ham sống mãnh liệt từ chiếc lá đã truyền sang Giôn-xi

- Nhà văn kết thúc truyện bằng lời kể của Xiu, không cho Giôn-xi nói gì thêm. Bởi có lẽ cô đang xúc động, mọi ngôn ngữ lúc này đều trở nên thừa thãi trước sự hi sinh thầm lặng cao cả của cụ Bơ-men.

Câu 4: Chứng minh truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O. Hen-ri, qua trích đoạn này được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần, gây hứng thú cho bạn đọc.

Trả lời:

Truyện đã sử dụng thành công thủ pháp đảo lộn tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc và bộc lộ chủ đề. Chính nghệ thuật đảo ngược tình huống đã gây hứng thú cho người đọc:

- Giôn-xi bị ốm và rất tuyệt vọng, nằm chờ chết. Thế nhưng cô đã hồi sinh, khoẻ lại.
- Cụ Bơ-men khoẻ mạnh, chỉ bị ốm có hai ngày, nhưng cụ đã đột ngột ra đi.

HAI CÂY PHONG

Câu 1: Căn cứ vào đại từ nhân xưng xác định hai mạch kể của câu chuyện có vị trí như thế nào ở từng mạch kể ấy? Vì sao mạch kể xưng tôi quan trọng hơn?

Trả lời:

- Trong mạch kể xưng “tôi” là người kể chuyện, người ấy tự giới thiệu là họa sĩ. Chúng ta có thể nghĩ rằng người kể chuyện ở đây chính là nhà văn Ai-ma-tốp. Tuy nhiên, không phải nhất thiết bao giờ người kể chuyện cũng là tác giả.
- Trong mạch kể xưng “chúng tôi” vẫn là người kể chuyện trên, nhưng lại nhân danh là “cả bọn con trai” ngày trước, và hồi ấy người kể chuyện cũng là một đứa trẻ trong bọn con trai.
- Như vậy, mạch kể chuyện của nhân vật tôi quan trọng hơn vì đó là người dẫn dắt kể lại câu chuyện, được cảm nhận và viết ra bởi ngôn từ của chính tác giả.
- Mạch kể chuyện xưng chúng tôi, cái thu hút người kể chuyện cùng bọn trẻ con và làm cho chúng ngất ngây đó là thế giới đẹp đẽ bao la ánh sáng và không gian bao la khi trèo lên cành cây phong ngang tầm cánh chim bay. Nó hiện lên bức tranh thiên nhiên tươi đẹp với âm thanh, ánh sáng, màu sắc....

Câu 2: Trong mạch kể chuyện xưng “chúng tôi”, cái gì thu hút người kể chuyện cùng bọn trẻ và làm cho chúng ngây ngất? Tại sao nói người kể chuyện đã miêu tả cây phong và quang cảnh nơi đây bằng một ngòi bút đậm chất hội họa?

Trả lời:

- Đoạn trên nói đến hai cây phong trên đồi cao, vào năm học cuối cùng của bọn trẻ chạy ào ào lên phá tổ chim trong dịp nghỉ hè nhưng đoạn sau mới thực sự làm cho người kể và bọn trẻ ngây ngất vì đó là thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng vụt mở ra trước mắt bọn trẻ khi từ ở những cành cao ngất ngàng tầm chim bay của cây thông nhìn xuống, nhìn vào nơi xa thẳm biêng biếc của thảo nguyên, thấy những con sông lấp lánh tận chân trời mà trước đây chưa từng nghe nói...
- Trong bức tranh ngôn từ này, hai cây phong còn được tả bằng trí tưởng tượng và bằng tâm hồn người nghệ sĩ nên nó sống động như hai con người và không chỉ thông qua quan sát của người họa sĩ và cái nhìn, cái cảm nhận của đứa con quê hương, vì hai cây phong được nhân cách hóa cao độ nên hết sức sinh động.

Câu 3: Trong mạch kể của người kể chuyện xưng “tôi”, nguyên nhân nào khiến hai cây phong chiếm vị trí trung tâm và gây xúc động sâu sắc cho người kể chuyện? Tại sao có thể nói trong mạch kể xen lẫn tả này, hai cây phong được miêu tả hết sức sống động, như hai con người và không chỉ thông qua sự quan sát của người nghệ sĩ?

Trả lời:

- Nguyên nhân khiến hai cây phong giữ vị trí trung tâm và gây xúc động cho người kể vì những lí do sau:
 - + Hai cây phong gắn với bao kỉ niệm thời thơ ấu của tuổi học trò
 - + Hai cây phong gắn với tình yêu quê hương da diết. Hai cây phong đứng ở vị trí rất đặc biệt: đi từ phía nào đến làng đều thấy chúng luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng, mỗi lần về quê, từ xa tôi đều đưa mắt nhìn cây phong thân thuộc đầu tiên
 - + Cây phong có dáng sinh động khác thường: giống như một cặp sinh đôi, thân cây to lớn khổng lồ, lại ngả nghiêng đung đưa mời chào chúng tôi đến.
- Trong mạch kể xen lẫn tả hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động giống như hai con người vì:
 - + Hai cây phong có tiếng nói riêng, có tâm hồn riêng chan chứa những lời ca êm dịu, hai cây phong mang tâm hồn con người, tiếng nói của con người.
 - + Người kể chuyện đã phác họa thật tài tình vẻ đẹp, thần sắc của hai cây phong: “rì rào”, “thì thầm”, “im bặt”, “thở dài”, “reo vù vù”, “tim đập rộn ràng”, “vẻ thẳng thốt”, “vui

sương”, “xào xạc”... Tất cả những từ ngữ ấy khiến hình ảnh hai cây phong trở nên "sinh động khác thường".

Như vậy, hai cây phong không chỉ là cảnh vật mà nó đã hóa thân như những người bạn thân thiết, gắn bó với ngôi làng, chứng kiến sự lớn lên của lũ trẻ.

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

Câu 1: Phân tích bố cục văn bản

Trả lời:

Bố cục văn bản gồm ba phần:

Phần một (Từ đầu đến một ngày không sử dụng bao ni lông): Nguyên nhân ra đời của thông điệp “Thông tin về ngày trái đất năm 2000”.

Phần hai (tiếp đến nghiêm trọng đối với môi trường): Nêu lên tác hại của việc sử dụng bao ni lông và cách giải quyết.

Phần ba (Mọi người hãy đến hết): Kêu gọi mọi người hãy quan tâm bảo vệ môi trường bằng hành động cụ thể.

Câu 2: Hãy chỉ ra nguyên nhân cơ bản khiến cho việc dùng bao ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường và sức khỏe con người. Ngoài nguyên nhân cơ bản, còn có những nguyên nhân nào khác?

Trả lời:

Nguyên nhân chính khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đến môi trường là “tính không phân huỷ của pla-xtic”. Xung quanh đặc tính của loại rác thải này là hàng loạt các khả năng nguy hại đến môi trường

- Đối với môi trường:

- + Lấn vào đất cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi.
- + Làm tắc các đường dẫn nước thải: làm muối phát sinh lây truyền dịch bệnh gây ra ngập lụt đô thị vào mùa mưa.

- Đối với sức khỏe con người:

- + Bao ni lông làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải, bao ni lông màu làm ô nhiễm thực phẩm do chứa kim loại chì, ca-di-mi gây hại cho não và gây ra ung thư phổi.

- + Khi các bao ni lông thải bị đốt, khí độc thải ra chất đi-ô-xin (chất độc màu da cam) gây ra dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh và các bệnh nan y.

Ngoài nguyên nhân cơ bản trên, còn có nguyên nhân khác nữa như: khi đốt bao bì ni lông, khí độc thải ra chuyển hóa thành chất đi-ô-xin, một hóa chất vô cùng nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng con người, góp phần làm thủng tầng ô-zôn.

Câu 3: Phân tích tính thuyết phục của những kiến nghị mà văn bản đã đề xuất. Hãy chỉ ra tác dụng của từ “vì” trong việc liên kết các phần của văn bản.

Trả lời:

Bốn giải pháp mà văn bản đưa ra là căn cứ từ thực tế cuộc sống, từ bản chất khoa học của vấn đề. Vì vậy, giải pháp có tính thuyết phục, phù hợp với thực tế và mọi người đều có thể áp dụng. Đó là các giải pháp :

- Thay đổi thói quen sử dụng, có thể tái sử dụng bao bì ni lông.
- Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.
- Sử dụng bao bì bằng vật liệu thân thiện với môi trường
- Tìm hiểu và phổ biến về tác hại của bao bì ni lông để mọi người biết.

Giữa hai phần này là quan hệ từ vì vậy có tác dụng liên kết hai phần của văn bản với nhau, dẫn đến đoạn dưới làm cho văn bản mạch lạc, chặt chẽ.

Câu 4: Giá trị nội dung và nghệ thuật trong “Thông tin về ngày trái đất năm 2000”

Trả lời:

1. Giá trị nội dung

Văn bản Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000 đưa đến cho mỗi chúng ta sự nhìn nhận và hành xử đúng đắn hơn với môi trường sống của mình bằng cách chỉ ra những tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông và đề ra những giải pháp, hành động có thể cải thiện môi trường sống, để bảo vệ Trái đất.

2. Giá trị nghệ thuật

Giải thích đơn giản, khách quan, rõ ràng.

Bố cục chặt chẽ.

Ngôn ngữ: chính xác, rõ ràng, chân thành... trên cơ sở khoa học khách quan

ÔN DỊCH THUỐC LÁ

Câu 1: Phân tích ý nghĩa của việc dùng dấu phẩy trong đầu đề của văn bản: Ôn dịch, thuốc lá. Có thể sửa thành Ôn dịch thuốc lá hoặc Thuốc lá là một loại ôn dịch được không? Vì sao?

Trả lời:

- Ôn dịch trong tiếng Việt là từ được dùng để làm tiếng chửi rủa thể hiện thái độ căm ghét, ghê sợ - một loại bệnh nguy hiểm lây lan làm chết người. Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Tác giả dùng dấu phẩy ngăn cách giữa hai từ “ôn dịch” và “thuốc lá”, là sử dụng theo lối tu từ để nhấn mạnh sắc thái biểu cảm (vừa căm tức vừa ghê tởm).
- Nếu ta bỏ dấu phẩy đi viết thành Ôn dịch thuốc lá hoặc viết Thuốc lá là một loại ôn dịch cũng được nhưng không gây ấn tượng mạnh và hàm súc như: Ôn dịch, thuốc lá.

Câu 2: Vì sao tác giả dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc trước khi phân tích tác hại của thuốc lá? Điều đó có tác dụng gì trong lập luận?

Trả lời:

- Trước khi phân tích tác hại của thuốc lá, tác giả đã dẫn lời Trần Hưng Đạo tâu trình nhà vua khi bàn về việc đánh giặc: “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu.”
- Tác giả dùng biện pháp so sánh giữa việc chống hút thuốc lá với đánh giặc ngoại xâm, tác giả đã tạo ra một ấn tượng mạnh trước khi tiến hành phân tích y học về tác hại của thuốc lá. Thuốc lá cũng như một loại giặc mà con người cần phải chống. Nói một cách đơn giản, khói thuốc không làm cho người “lăn đùng ra chết ngay” mà nó gặm nhấm dần sức khỏe của người như tằm ăn lá dâu, nghĩa là người hút không thấy ngay tác hại của nó mà chủ quan, coi thường những lời cảnh báo... Biện pháp so sánh này có tác dụng rất sắc sảo trong lập luận, tác giả mượn cách so sánh này để dẫn người đọc đến một so sánh khác, tạo được ấn tượng mạnh.

Câu 3: Vì sao tác giả lại giả định “Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi” trước khi nêu lên những tác hại về phương diện xã hội của thuốc lá?

Trả lời:

- Tác giả đưa ra giả định “Có người bảo : Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi !” trước khi nêu lên những tác hại của thuốc lá không chỉ với người hút mà với cả những người không hề hút.

- Bằng những chứng cứ khoa học về tác hại của việc hút thuốc lá chủ động và hút thuốc lá bị động, tác giả đã phủ nhận câu nói trên. Như vậy, ảnh hưởng của khói thuốc đối với người xung quanh rất lớn (những người làm việc cùng phòng, vợ, con, đặc biệt là thai nhi bé bỏng dẫn tới sinh non rất nguy hiểm). Chống hút thuốc lá không chỉ là đặt ra với người nghiện thuốc lá mà với cả những người không hút thuốc lá. Đây là trách nhiệm của cả cộng đồng, của toàn xã hội.
- Qua đó, tác giả cũng thể hiện thái độ phê phán nghiêm khắc với những người hút thuốc lá và đề nghị những người hút thuốc lá phải có ý thức.

Câu 4: Vì sao tác giả đã đưa ra những số liệu để so sánh tình hình hút thuốc lá ở nước ta với các nước Âu - Mỹ trước khi đưa ra kiến nghị: Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này?

Trả lời:

- Tác giả đưa ra những số liệu để so sánh tình hình hút thuốc lá ở nước ta với các nước Âu - Mỹ trước khi đưa ra kiến nghị nhằm mục đích:

- + Tỷ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở thành phố lớn nước ta cao ngang với tỷ lệ các thành phố Âu – Mỹ. Đây là điều không thể chấp nhận.
- + Thứ hai là cho thấy các nước đã tiến hành những chiến dịch, thực hiện những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế thuốc lá quyết liệt hơn ta.
- + Thứ ba, so sánh với nước họ, chúng ta còn quá nhiều bệnh dịch cần phải thanh toán.

Từ đó, tác giả đưa ra kiến nghị: Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.

BÀI TOÁN DÂN SỐ

Câu 1: Xác định bố cục của văn bản, nêu nội dung chính của mỗi phần, riêng về phần thân bài, hãy chỉ ra các ý lớn.

Trả lời:

Phần một: (từ đầu đến sáng mắt ra): tác giả nêu ra vấn đề: bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình đã được đặt ra từ thời cổ đại;

Phần hai (tiếp đến ô thứ 31 của bàn cờ): Sự gia tăng khủng khiếp của dân số. Phần này gồm có 3 ý:

Phần 3 (còn lại): Lời kêu gọi loài người cần kiềm chế tăng dân số. kêu gọi loài người cần kiềm chế tốc độ gia tăng dân số.

Câu 2: Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì? Điều gì đã làm cho tác giả “sáng mắt ra”?

Trả lời:

- Trước hết, Tốc độ gia tăng thực sự rất lớn ngoài sức tưởng tượng, thấy được việc hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi tất yếu cho sự phát triển của loài người. Loài người cần phải làm một việc gì đó để quyết định sự tồn tại của mình. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.
- Điều làm cho tác giả “sáng mắt” là sự gia tăng dân số trong thời hiện đại nó đã được đặt ra từ ý nghĩa của một bài toán thời cổ đại.

Câu 3: Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò ý nghĩa như thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới?

Trả lời:

Câu chuyện kén rể của nhà thông thái mà tác giả trình bày là câu chuyện về cấp số nhân của số thóc trên bàn cờ.

Việc sử dụng câu chuyện này, tác giả đã làm nổi bật vấn đề tốc độ gia tăng dân số; đồng thời làm tăng sức hấp dẫn cho bài viết. Mượn xưa để nói nay, sự giống nhau giữa số thóc tăng theo cấp số nhân với công bội hai và tình trạng bùng nổ dân số cả khi mỗi gia đình chỉ sinh hai con đã cho người đọc hình dung được một cách cụ thể về tốc độ gia tăng dân số. Câu chuyện đã có nhiều người biết, nhưng liên tưởng nó với sự tăng trưởng của dân số là một sự liên tưởng bất ngờ, thú vị, giàu sức thuyết phục.

Câu 4: Việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước ở châu Á và châu Phi em có thể rút ra kết luận gì? Trong số các nước kể tên trong văn bản, nước nào thuộc châu Phi và nước nào thuộc châu Á? Bằng những hiểu biết của mình về hai châu lục đó, trước những con số tỉ lệ sinh con đã nêu, em có nhận xét gì về sự phát triển dân số ở hai châu lục này? Có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội?

Trả lời:

- Việc đưa ra tỉ lệ sinh con của phụ nữ theo thông báo của Hội nghị Cai-rô để mọi người thấy thực tế phụ nữ có thể sinh rất nhiều con (ít như ở Việt Nam thì trung bình là 3,7; nhiều như ở Ru-an-đa là 8,1). Từ đây, có thể thấy rằng chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có một đến hai con là rất khó khăn.
- Thứ hai, các con số cho thấy các nước kém và chậm phát triển lại sinh con rất nhiều. Đó là các nước thuộc châu Phi (Nê-pan, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a, Ma-đa-gát-xca) và châu Á (Ấn Độ,

Việt Nam). Điều này cho thấy những nước kém và chậm phát triển ở hai châu lục này là những nước có dân số tăng rất nhanh. Có thể thấy đây là những nước chưa phát triển, kinh tế còn yếu kém mà dân số lại bùng nổ rất cao. Từ đó gây khó khăn cho việc cải thiện chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 5: Văn bản này đem lại cho em những hiểu biết gì?

Trả lời:

Văn bản này đưa đến cho chúng ta hiểu biết về tình hình gia tăng dân số trên thế giới và ở Việt Nam, để từ đó chúng ta có hành động thiết thực và cùng có trách nhiệm trong việc hạn chế gia tăng dân số. Đây là một thông điệp cấp thiết và có ý nghĩa vô cùng to lớn với toàn nhân loại.

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN

Câu 1: Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào ? (Chú ý không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc.)

Trả lời:

- Không gian : Côn Lôn, cái tên đảo ấy từ lâu đã gắn liền với một nỗi ghê sợ hãi hùng: nơi lưu đày ấy là nơi một đi khó có ngày trở lại, ở đó là la động khổ sai đến kiệt sức, là cùm gông, đánh đập, tra tấn dã man, là bắn giết...
- Điều kiện làm việc: Đập đá vốn là công việc nặng nhọc. Đập đá ở Côn Đảo lại càng cực nhọc hơn vì nhà tù và thiên nhiên đều khắc nghiệt
- Đặc điểm công việc: công việc đập đá công việc khổ sai cưỡng bức để tàn phá dữ dội thân thể và tiêu hao sức lực của người tù, khiến nhiều người kiệt sức hòng khuất phục ý chí của họ.

Câu 2: Bốn câu thơ đầu có hai lớp nghĩa. Hai lớp nghĩa đó là gì ? Phân tích giá trị nghệ thuật của những câu thơ đó. Nhận xét về khẩu khí của tác giả.

Trả lời:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đồng,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Bốn câu thơ đầu của bài thơ diễn đạt hai tầng nghĩa.

- Tầng nghĩa thứ nhất, miêu tả chân thực một công việc lao động khổ sai, cực nhọc của người tù ở những hòn núi ngoài Côn Đảo.
 - Tầng nghĩa thứ hai (Lớp nghĩa tượng tượng): quan trọng hơn, khắc họa nổi bật tầm vóc khổng lồ của người anh hùng với những hành động phi thường.
 - Khẩu khí: ngang tàng, mạnh mẽ, sáng khoải, hình tượng nhân vật hiện lên thật oai phong,凛冽 như một nhân vật thần thoại.
 - Nghệ thuật: Tác giả chọn bút pháp khoa trương và giọng điệu pha chút tự hào khiến cho nhà nho, người tù Phan Châu Trinh chân yếu tay mềm “bạch diện thư sinh” ấy thoát biến thành một dũng sĩ với vóc dáng khổng lồ và sức mạnh phi thường.
 - Nhịp thơ mạnh, dồn dập, gấp gáp... tạo nên không khí sôi động, dữ dội của trận giao tranh ác liệt. Mỗi nhịp thơ như ứng với một nhịp búa vung lên, giáng xuống.
- ==> Qua những câu thơ trên, dũng sĩ đập đá mà như muốn san bằng bất công, tàn ác vĩ đại nghĩa ở đời.

Câu 3: Bốn câu thơ cuối bộc lộ trực tiếp những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả. Em hãy tìm hiểu ý nghĩa những câu thơ này và cách thức biểu hiện xúc cảm của tác giả.

Trả lời:

Bốn câu thơ cuối, tác giả đã thể hiện những cảm xúc của mình trước cảnh tù đầy.

- Sự đối lập càng làm rõ sức mạnh, ý chí của người tù, quyết tâm vượt lên hoàn cảnh. Dù điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và sự giày xéo đọa đày của bọn giặc có dã man có đến độ biến thân phận người tù như mảnh sành hòn sỏi đi chăng nữa, thì tấm lòng của người chí sĩ đối với cách mạng vẫn thủy chung sắt son, bền chặt, vẫn không sờn lòng, không đổi chí.
- Hai câu thơ kết thể hiện ý chí sắt đá của người chí sĩ. “Gian nan chỉ kể việc còn con” ngầm ví sự lao động khổ sai ở nhà tù mà bọn giặc bày ra để làm cho người chí sĩ sờn lòng nản chí chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ là những việc tầm thường vụn vặt, không thể làm lung lay tinh thần chiến đấu của bậc anh hùng hào kiệt.

==> Bốn câu thơ toát lên tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chính mình, vào con đường chính nghĩa đã lựa chọn. Vẻ đẹp tinh thần này kết hợp với tầm vóc sức mạnh ở 4 câu thơ trước đã tôn hình tượng người anh hùng lên ngang tầm với sử thi.

ÔNG ĐỒ

Câu 1: Hãy phân tích hình ảnh ông đồ ngồi viết chữ nho ngày Tết trong hai khổ thơ đầu và hình ảnh của chính ông đồ ở khổ 3,4. Hãy so sánh để làm rõ sự khác nhau giữa hai hình ảnh đó. Sự khác nhau này gợi cho người đọc cảm xúc gì về tình cảnh ông đồ?

Trả lời:

- Hai khổ thơ đầu: ông đồ bày giấy mực bên phố đông người nhộn nhịp vào dịp tết đến: “ .. hoa đào nở,... ông đồ già, .. mực tàu giấy đỏ,... đông người...” .
- Người người qua lại thuê viết, chữ ông đồ đẹp ai ai cũng khen: “bao nhiêu người thuê viết, tấm tắc... khen tài, hoa tay thảo....., phượng múa rồng bay”
- Hai khổ thơ sau: ông đồ vẫn ngồi bên phố ấy nhưng nay người qua lại ngày càng vắng, người thuê viết không thấy để ông đồ ngồi buồn bên nghiêng mực, giấy đỏ trời mưa bụi bay, lá vàng rơi gợi nên nỗi buồn xơ xác tiêu điều : “....mỗi năm mỗi vắng, ...thuê viết nay đâu, giấy đỏ buồn.., mực... nghiêng sầu, ông đồ vẫn ngồi đấy, ... không ai hay, lá vàng rơi..... mưa bụi bay”
- Hai hình ảnh đối lập này gợi cho người đọc một hình ảnh ông đồ cô đơn, khung cảnh xơ xác, tiêu điều, một nỗi buồn man mác nhưng thấm sâu, những giá trị truyền thống tốt đẹp ngày ngày dần dần bị quên lãng, còn đâu những hình ảnh đầy nhộn nhịp bên ông đồ.

Câu 2: Tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ như thế nào?

Trả lời:

- Khổ 1,2 nhà thơ với ký ức của mình phác họa lên một ông đồ già viết chữ đẹp, cảnh nhộn nhịp trên đường phố Hà Nội xưa, cảnh đẹp, đường xá rộn ràng vui vẻ, tấp nập.
- Khổ 3,4 nhà thơ vẽ lại khung cảnh Hà Nội mới, gần tết nhưng không còn tấp nập, đông đúc vây quanh ông đồ nữa, ông đồ chỉ ngồi đấy, nhìn lá rơi, trời mưa bay mà chẳng hề có ai để ý
- Khổ 5 là hình ảnh thực tại, ông đồ ngày xưa chẳng còn nữa cũng chẳng còn những người xưa
- Tâm tư tác giả thay đổi theo chiều sâu tâm trạng, lúc vui vẻ nhìn đường xá tấp nập, lúc lại buồn nhìn cảnh tiêu điều, nhớ lại người cũ của tác giả. Tác giả thể hiện niềm cảm thương chân thành sâu sắc trước một lớp người đang tàn tạ (ông đồ) và nỗi nhớ cảnh cũ người xưa của tác giả.

Câu 3: Bài thơ hay ở những điểm nào?

Trả lời:

- Tác giả miêu tả hình ảnh ông đồ ngồi thuê viết ngày Tết bên phố nhưng rất khác nhau gọi sự so sánh

- Ông đồ trong dịp hoa đào nở:

- + Khổ 1,2: mỗi dịp hoa đào nở, ông đồ già lại đem mực tàu giấy đỏ bày ra bên phố đông người. Những lần ông đồ bày ra như vậy lại có rất nhiều người thuê viết, người người khen ngợi, mỗi nét bút của ông viết ra giống như phượng múa rồng bay
- + Khổ 3,4: cũng là dịp hoa đào nở, ông đồ vẫn bày giấy, mực ra nhưng không còn ai thuê ông viết nữa.

- Thể thơ năm chữ, ngôn ngữ giản dị dễ hiểu nhưng đầy sự gợi tả (ví dụ như hoa đào nở, hoa đào chỉ nở vào những dịp Tết đến, mực tàu giấy đỏ là những dụng cụ để viết chữ hoặc câu đối được treo trong ngày Tết,...)

Câu 4: Phân tích để làm rõ cái hay của những câu thơ sau:

“Giấy đỏ buồn không thắm;

Mực đọng trong nghiên sầu...”

“Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời bụi mưa bay.”

Theo em, những câu thơ đó là tả cảnh hay tả tình?

Trả lời:

Những câu thơ này vừa tả cảnh vừa tả tình. Trong cảnh có tình, trong tình có cảnh. Những tờ giấy đỏ được bày ra nhưng không được đụng đến, chúng phải nằm một chỗ cảm giác như không ai cần, không ai thèm để ý. Mực được để trong nghiên nhưng cũng chẳng được sử dụng. Cảnh chính là giấy đỏ nằm im không được sử dụng, mực không sóng sánh. Tình là cái buồn man mác của nỗi cô đơn của mực và giấy cũng là nỗi buồn của ông đồ. Lá vàng rơi, mưa bay lất phất ngoài trời là cảnh, cảnh này tạo nên tình cảnh tiêu điều, xơ xác man mác buồn. Tình chính là sự cộng hưởng giữa cảnh với cảm xúc trong lòng người. Sự cô đơn, lạc lõng của ông đồ trên phố xá đông người qua lại với mưa bụi bay, với chiếc lá vàng rơi trên giấy càng khiến cho người đọc cảm thấy nao lòng. Sự trân trọng, thành kính với ông đồ - một lớp người xưa cũ, đã không còn, thay vào đó là sự thờ ơ, lạnh lùng đi lướt qua ông của những người qua phố...